

Mẫu số 12/ĐK (Ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024)

UBND THỊ XÃ NGHI SƠN
PHÒNG NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 309 .../PCTTĐC

Nghi Sơn, ngày ...10... tháng 4..... năm 2025

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: CHI CỤC THUẾ THỊ XÃ NGHI SƠN

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Mã hồ sơ:

1.2. Ngày nhận hồ sơ:

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, MẶT NƯỚC, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1. Tên ⁽¹⁾: ông LÂM NGỌC HUY

2.2. Địa chỉ ⁽²⁾: Thôn Kiêm Sơn, xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

2.3. Số điện thoại liên hệ: Email (nếu có):

2.4. Mã số thuế (nếu có):

2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân ⁽³⁾: Căn cước công dân

Số: 038061013164; ngày cấp: 03/03/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Nhận chuyển nhượng đất công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất - cấp GCN QSD Đất lần đầu

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1. Thông tin về đất

3.1.1. Thửa đất số: 320; tờ bản đồ số 17

3.1.2. Địa chỉ tại ⁽⁵⁾: Thôn Kiêm Sơn, xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: theo QĐ số 31/2025/QĐ-UBND ngày 10/03/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa và theo QĐ số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa .

- Đường/đoạn đường/khu vực: Đường ngõ, ngách không nằm trong các vị trí trên

- Vị trí thửa đất ⁽⁶⁾: Đất ở: Vị trí 01; đất CLN: Vị trí 01

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):..

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):

3.1.4. Diện tích thửa đất: 753,9 m²

- Diện tích sử dụng chung: 753,9 m²;

- Diện tích sử dụng riêng: m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 0 m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất): 753,9 m²

- Diện tích đất trong hạn mức: 753,9 m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: 0 m²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng đất Công nhận quyền sử dụng đất

3.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở 200 m² + đất CLN 553,9 m².

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài ☒

- Có thời hạn:năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....

- Gia hạnnăm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:/...../.....;

3.1.9. Giá đất: đồng/m².

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất ⁽¹¹⁾:

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: chưa chứng nhận

3.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:

3.2.2. Diện tích xây dựng:m²;

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng/ diện tích sử dụng: m²;

3.2.4. Diện tích sở hữu chung: không m²; Diện tích sở hữu riêng: m²;

3.2.5. Số tầng: tầng, trong đó, số tầng nổi:tầng, số tầng hầm:tầng.;

3.2.6. Nguồn gốc:

3.2.7. Thời hạn sở hữu đến:năm

IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

- Tiền sử dụng đất:

- Lệ phí trước bạ:

V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

- Biên bản xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất; Biên bản họp Hội đồng đăng ký đất đai phường Hải Thượng; phiếu lấy ý kiến khu dân cư ;



TRƯỞNG PHÒNG

Lê Hồng Thanh

